

CÔNG BỐ THÔNG TIN KẾ TOÁN MÔI TRƯỜNG VÀ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH: VAI TRÒ CỦA ĐẶC ĐIỂM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lâm Thị Trúc Linh* - Nguyễn Ngọc Thọ* - Nguyễn Hồng Nga* - Trần Thị Ánh Hồng*

Nghiên cứu này tìm hiểu mối quan hệ giữa công bố thông tin kế toán môi trường (EAID) và hiệu quả tài chính (được đo lường bằng lợi nhuận trên tài sản-ROA), đồng thời xem xét vai trò điều tiết các đặc điểm Hội đồng quản trị (HĐQT) của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam. Dữ liệu thu thập từ 60 công ty có công bố thông tin môi trường từ năm 2021 đến 2023, tạo ra 180 quan sát. Tác giả phân tích hồi quy dữ liệu bảng POOL, FEM, REM và các kiểm định để khắc phục các khuyết tật của mô hình, cuối cùng chọn mô hình GLS. Kết quả cho thấy EAID tác động tích cực đến ROA, quy mô HĐQT (SIZE) và tỷ lệ nữ (FEMALE) đóng vai trò điều tiết mối quan hệ giữa EAID và ROA. Bên cạnh đó, quy mô công ty (FIRMSIZE) và tỷ lệ sở hữu nước ngoài (FOREIGNOWN) có tác động tích cực đến ROA, trong khi đòn bẩy tài chính (DFL) có tác động ngược lại. Phát hiện này cung cấp thông tin hữu ích cho các bên liên quan trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động và thu hút đầu tư.

* Từ khóa: công bố thông tin kế toán môi trường; hiệu quả tài chính; đòn bẩy tài chính; tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

This study explores the relationship between environmental accounting information disclosure (EAID) and financial performance (ROA) and examines the moderating role of board characteristics of listed companies in Vietnam. Data was collected from 60 companies with environmental disclosures from 2021 to 2023, generating 180 observations. The author analyzed regression analysis of POOL, FEM, and REM panel data and tests to overcome model defects, finally choosing the GLS model. The results show that EAID positively impacts ROA, size (SIZE), and female ratio (FEMALE), moderating the relationship between EAID and ROA. Besides, company size (FIRMSIZE) and foreign ownership ratio (FOREIGNOWN) have a positive impact on ROA, while financial leverage (DFL) has the opposite effect. This finding provides valuable information for stakeholders in improving operational efficiency and attracting investment.

• Key words: environmental accounting disclosure; financial performance; financial leverage; foreign ownership ratio.

Ngày gửi bài: 02/12/2024

Ngày gửi phản biện: 20/12/2024

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 02/01/2025

Ngày chấp nhận đăng: 24/01/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i282.08>

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu đang giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu thì kế toán môi trường (EA) càng trở nên quan trọng. Các học giả lập luận rằng các công ty có thể đo lường, quản lý và giảm lượng

khí thải carbon hiệu quả hơn thông qua tính toán môi trường, do đó đóng vai trò quan trọng trong nỗ lực toàn cầu nhằm giảm thiểu biến đổi khí hậu. Nhiều nghiên cứu phát hiện công bố thông tin kế toán môi trường (EAID) ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả tài chính (FP) (Sandberg và cộng sự, 2023; Agyemang và cộng sự, 2023; Shueb & Alam, 2022; Kim & Li, 2021; Nguyễn và cộng sự, 2023). Nghiên cứu của họ nhấn mạnh thông tin môi trường trong việc hỗ trợ đạt được SDGs bằng cách đưa ra một cơ chế mạnh mẽ để giám sát và báo cáo tiến độ thực hiện.

Việt Nam là một nước đang phát triển và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của biến đổi khí hậu toàn cầu. Đặc biệt trong thời gian gần đây, ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường và những biến đổi bất lợi của tự nhiên đang ảnh hưởng đến nền kinh tế và chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam (Xuyen Dinh và cộng sự, 2022). Nghiên cứu về EA và EAID đã trở nên phổ biến ở các nước phát triển, tuy nhiên còn khá mới ở Việt Nam. Các thông tin môi trường công bố tại Việt Nam chủ yếu tuân theo các quy định chung của Thông tư 96/2020/TT-BTC hoặc khuôn khổ thực hiện Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) (Nguyễn La Soa và cộng sự, 2024). Nghiên cứu tại Việt Nam cũng tập trung làm rõ mối quan hệ giữa EAID và hiệu quả tài chính, tuy nhiên có nhiều kết quả khác nhau. Trong nghiên cứu này sử dụng ROA để đo lường hiệu quả tài chính, do đó tác giả kiểm tra mối liên hệ giữa EAID và ROA, đồng thời xem xét tác động điều tiết của đặc điểm HĐQT đến mối

* Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long; email: linhlatt@ueh.edu.vn

quan hệ giữa EAID và ROA của các công ty niêm yết Việt Nam giai đoạn 2021 đến 2023. Kết quả nghiên cứu này làm cơ sở đối chiếu với các nghiên cứu trước đó về những ảnh hưởng của EAID và ROA đồng thời kiểm tra lại ảnh hưởng của đặc điểm HĐQT đến mối quan hệ này.

2. Tổng quan nghiên cứu và các giả thuyết

2.1. Công bố thông tin kế toán môi trường và hiệu quả tài chính

Lý thuyết các bên liên quan cho rằng để một công ty có được sự tin tưởng và hỗ trợ của các bên, công ty đó phải cởi mở về các chính sách môi trường của mình cũng như giải quyết các mối quan tâm và mong đợi của họ. Thiết lập uy tín với các thành phần quan trọng và thu hút sự tham gia của họ là điều quan trọng đối với lợi nhuận của công ty. Ngoài ra, theo lý thuyết tín hiệu, các chủ nợ và nhà đầu tư nhận thấy ít rủi ro hơn và ít thông tin bất cân xứng hơn khi dữ liệu môi trường được công bố đầy đủ. Để làm được điều này, cam kết nhất quán của công ty về tính bền vững phải được thể hiện rõ ràng. Theo quan điểm lý thuyết, công bố thông tin về môi trường thúc đẩy hiệu quả tài chính lâu dài cho doanh nghiệp bằng cách cải thiện mối quan hệ với các bên liên quan và đóng vai trò như một tín hiệu quan trọng. Theo lý thuyết các bên liên quan, các công ty nên ưu tiên lợi ích của các bên liên quan bên cạnh lợi ích tài chính và có trách nhiệm môi trường để tối đa hóa hiệu quả tài chính trong dài hạn.

Một số nghiên cứu đã được tiến hành về mối quan hệ giữa EAID đến FP và có nhiều kết quả dựa trên các lý thuyết khác nhau. Theo lý thuyết tín hiệu, EAID thể hiện một cách hiệu quả cam kết và hành động hướng tới bảo vệ môi trường, gửi tín hiệu tích cực ra thế giới bên ngoài và nâng cao danh tiếng cũng như FP của doanh nghiệp. Các nghiên cứu gần đây cho thấy công chúng và các bên liên quan quan tâm nhiều hơn đến hoạt động môi trường của công ty. Kết quả nghiên cứu của Sandberg và cộng sự (2023), Agyemang và cộng sự (2023), Shoeb & Alam (2022), Kim & Li (2021), Nguyen và cộng sự (2023) cho thấy công bố thông tin kế toán môi trường (EAID) ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả tài chính (FP). Ở chiều ngược lại, Nguyễn & Nguyễn (2020) chỉ ra công ty có lợi nhuận cao sẽ có mức độ công bố EAID cao. Do đó, nghiên cứu này kỳ vọng EAID của doanh nghiệp có thể tạo ra những phản hồi tích cực thông qua nâng cao hiệu quả tài chính của

công ty. Trong bối cảnh này, chúng tôi đề xuất giả thuyết sau:

Giả thuyết H1: Công bố thông tin kế toán môi trường (EAID) có tác động thuận chiều đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp (ROA)

2.2. Tác động điều tiết của đặc điểm HĐQT đến công bố thông tin kế toán môi trường và hiệu quả tài chính

Quy mô hội đồng quản trị (SIZE)

Số lượng các thành viên trong HĐQT thể hiện quy mô của DN đó. DN có quy mô càng lớn thì số lượng thành viên trong HĐQT càng cao để tăng khả năng kiểm soát hoạt động của công ty và tránh sự tập trung quyền lực vào một vài nhân vật chủ chốt. Như vậy, quyền lợi của cổ đông không có mặt trong HĐQT được bảo vệ ở cấp độ cao hơn, từ đó mức độ công khai sẽ tăng lên. Hà Ngọc và cộng sự (2022) phát hiện số lượng thành viên HĐQT có mối tương quan nghịch với mức độ công bố thông tin liên quan phát triển bền vững. Trong khi đó, nghiên cứu của Chakroun & Matoussi (2012), Sweiti & Attayah (2013) cho thấy quy mô của HĐQT có tác động thuận chiều đến mức độ tự nguyện công bố thông tin. Giả thuyết cần được kiểm tra trong nghiên cứu này là:

Giả thuyết H2a: Quy mô HĐQT (SIZE) có tác động thuận chiều đến mối quan hệ giữa EAID và ROA.

Tỷ lệ thành viên HĐQT không điều hành (NONEX)

Tỷ lệ thành viên HĐQT không tham gia điều hành cao sẽ hiệu quả hơn trong việc giám sát, kiểm soát hoạt động của công ty. Do vậy, nâng cao giá trị hoạt động của công ty một cách bền vững và tạo được tính minh bạch cao. Khi các thành viên hội đồng quản trị không điều hành tham gia vào việc phát triển các chính sách và chiến lược kinh doanh của công ty, họ được cho là có khả năng đánh giá hiệu suất quản lý khách quan hơn so với các thành viên khác trong hội đồng quản trị. Ngoài ra, thành viên HĐQT không điều hành ít phụ thuộc vào kết quả hoạt động nên có ý kiến khách quan, và tầm nhìn xa hơn thay vì chỉ quan tâm đến hiệu quả trong kỳ quản lý của ban giám đốc. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các thành viên không tham gia điều hành có nhiều hỗ trợ trong việc đầu tư vào hoạt động phát triển bền vững của công ty và chú ý nhiều hơn đến nhận thức về tác động xã hội của công chúng so với các thành viên khác trong hội đồng quản trị (Mohamed, 2012). Hơn nữa, các

nghiên cứu trước đây cho thấy HĐQT có tỷ lệ thành viên không điều hành cao có xu hướng tạo điều kiện minh bạch và công bố thông tin thông tin phát triển bền vững (Gray, Kouhy & Lever, 1995). Điều này cho thấy các thành viên HĐQT không điều hành có thể hỗ trợ việc EAID hướng đến sự phát triển bền vững nhằm giảm thiểu thông tin sự bất cân xứng giữa người bên trong và người ngoài công ty (Lê, 2015). Do đó, Agyemang và cộng sự (2023) đề xuất số lượng thành viên HĐQT không điều hành phải nhiều hơn thành viên điều hành. Giả thuyết đề xuất:

Giả thuyết H2b: Tỷ lệ thành viên HĐQT không điều hành (NONEX) có tác động thuận chiều đến mối quan hệ giữa EAID và ROA.

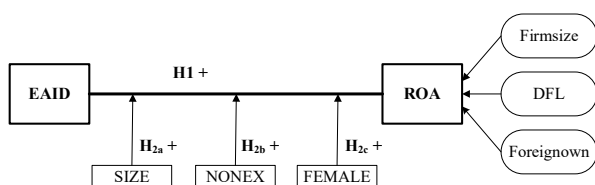
Tỷ lệ nữ trong HĐQT (FEMALE)

Nghiên cứu của Nielsen và Huse (2010) đã chỉ ra rằng với sự hiện diện của phụ nữ trong HĐQT, xung đột lợi ích được cải thiện, tạo ra sự khác biệt về giá trị so với các thành viên nam. Thành viên HĐQT là nữ có tác động tích cực đến công bố thông tin liên quan đến môi trường (Suttipun, 2021) do họ có ý thức về môi trường hơn nam và sẵn sàng chủ động công bố thông tin về môi trường để bảo vệ lợi ích của các bên liên quan và công chúng (Hu & Yang, 2021). Giả thuyết được đưa ra là:

Giả thuyết H2c: Tỷ lệ thành viên nữ trong HĐQT (FEMALE) có tác động thuận chiều đến mối quan hệ giữa EAID và ROA.

Nghiên cứu cũng xem xét vai trò kiểm soát của quy mô tài sản (FIRMSIZE), đòn bẩy tài chính (DFL) và tỷ lệ sở hữu nước ngoài (FOREIGNOWN) đến hiệu quả tài chính. Từ các giả thuyết trên, chúng tôi đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất



3. Phương pháp nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu thu thập từ danh sách 100 công ty bền vững năm 2023 và đáp ứng tiêu chuẩn có công bố báo cáo tài chính, báo cáo thường niên (hoặc báo cáo phát triển bền vững) từ năm 2021 đến 2023. Sau quá trình sàng lọc có 30 công ty

đáp ứng tiêu chí lựa chọn. Nghiên cứu đã tiếp tục lựa chọn 30 công ty ngoài danh sách trên và có công bố báo cáo tài chính, báo cáo thường niên (hoặc báo cáo phát triển bền vững) từ năm 2021 đến 2023 có quy mô và lĩnh vực hoạt động tương đồng. Mẫu thu thập được gồm 60 công ty, đáp ứng tiêu chuẩn tạo thành 180 quan sát.

Nghiên cứu chọn thời gian từ năm 2021, vì thông tư 96/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có hiệu lực thi hành. Các thông tin báo cáo tác động môi trường và xã hội sẽ được trình bày từ 6.1 đến 6.5 theo phụ lục thông tư gồm 11 tiêu chí, một số công ty công bố thông tin môi trường theo bộ tiêu chuẩn GRI gồm 30 tiêu chí. Dữ liệu EAID được thu thập từ báo cáo thường niên báo cáo phát triển bền vững, báo cáo ESG. Do mỗi công ty lựa chọn công bố thông tin theo các tiêu chuẩn khác nhau, do vậy cách đo lường mức độ EAID sẽ được trình bày cụ thể ở bảng 1.

Trên cơ sở kế thừa nghiên cứu trước, phương pháp đo lường các biến phụ thuộc, biến độc lập, biến kiểm soát và biến điều tiết được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. Đo lường các biến

Tên biến	Phương pháp đo lường
Biến phụ thuộc: Hiệu quả tài chính: Lợi nhuận trên tài sản (ROA)	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)
Biến độc lập	
Công bố thông tin kế toán môi trường (EAID)	Mức độ công bố thông tin
	Điểm
	Không công bố thông tin theo thông tư 96/2020 hoặc GRI
	Có công bố thông tin theo thông tư 96/2020 hoặc GRI
Nguồn: Nguyễn & Nguyễn (2020)	
Sau khi chấm điểm cho các tiêu chí tương ứng, điểm EAID sẽ được tính bằng tổng số điểm của các tiêu chí chia cho tổng số tiêu chí theo thông tư 96/2020 (11) hoặc bộ tiêu chuẩn GRI (30)	
Biến kiểm soát	
FOREIGNOWN	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài được thu thập trên BCTN
FIRMSIZE	Log (Tổng tài sản)
DFL	Tổng nợ/Tổng tài sản (%)
Biến điều tiết	
Quy mô HĐQT (SIZE)	Số lượng thành viên HĐQT
Tỷ lệ thành viên HĐQT không tham gia điều hành (NON_EX)	Tỷ lệ giữa số lượng thành viên không tham gia điều hành trên tổng số thành viên của HĐQT
Tỷ lệ thành viên nữ trong HĐQT (FEMALE)	Tỷ lệ giữa số lượng thành viên nữ trên tổng số thành viên của HĐQT

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Nghiên cứu sử dụng phân tích hồi quy đa biến để kiểm tra ảnh hưởng của EAID lên ROA đồng thời kiểm tra vai trò của các biến kiểm soát đến ROA bằng phần mềm STATA 17. Do nghiên cứu

sử dụng dữ liệu bảng nên để đạt được ước lượng tin cậy, các bước kiểm định các khuyết tật của mô hình cũng lần lượt được tiến hành như: kiểm tra hiện tượng tự tương quan, hiện tượng phương sai thay đổi, hiện tượng đa cộng tuyến để lựa chọn mô hình POOL, FEM hay REM. Sau khi lựa chọn mô hình phù hợp, tiếp tục kiểm tra các khuyết tật và khắc phục mô hình. Sau đó, nghiên cứu kiểm tra tác động điều tiết của các đặc điểm HĐQT lên mối quan hệ giữa EAID và ROA của các công ty trong mẫu khảo sát. Kết quả nghiên cứu trình bày ở phần 4.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả thống kê mô tả

Kết quả đo lường ROA, EAID trong giai đoạn 2021 đến 2023 có giá trị trung bình lần lượt là 6,6675 % và 52,957 %. ROA cao nhất đạt 32,42% tuy nhiên thấp nhất mang giá trị âm là -14,79%. Kết quả thống kê cũng cho thấy, EAID ở mức từ 0 % đến 100%, chứng tỏ vẫn có công ty không công bố bất kỳ thông tin về môi trường nào trong năm tài chính. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài có giá trị trung bình 19,463%, giá trị nhỏ nhất là 0% và cao nhất là 99,81% điều này cho thấy có sự chênh lệch khá lớn. Đối với các biến điều tiết thuộc đặc điểm HĐQT, SIZE trung bình là 6, tỷ lệ NONEX chiếm 68,87%, FEMALE là 22,54%. Cả NONEX và FEMALE đều cho thấy trong HĐQT có trường hợp không có thành viên điều hành cũng như không có thành viên nữ.

Bảng 2. Kết quả thống kê mô tả các biến

Tên biến	Mean	Std. Dev.	Min	Max
ROA	6,677508	6,663476	-14,79347	32,42177
EAID	52,95724	24,84607	0	100
FOREIGNOWN	19,46302	21,46587	0	99,81
FIRMSIZE	13,05851	0,765607	11,52899	15,36189
DFL	49,79455	23,08039	8,395439	99,38766
SIZE	6,333333	1,620401	3	12
NONEX	68,86969	18,29411	0	100
FEMALE	22,53529	18,80582	0	66,66667

Nguồn: Stata 17

4.2. Kết quả tương quan và hồi quy

Bảng 3 cho thấy mối tương quan Pearson giữa các biến, ROA có tương quan thuận với các biến EAID và FOREIGNOWN, riêng biến DFL và FIRMSIZE có mối tương quan nghịch. Hệ số tương quan giữa các cặp biến độc lập nhỏ hơn 0,8 do đó mối tương quan giữa các biến với nhau là thấp và có thể khẳng định không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến.

Bảng 3. Hệ số tương quan Pearson giữa biến phụ thuộc, biến độc lập và biến kiểm soát

	ROA	EAID	FOREIGNOWN	FIRMSIZE	DFL
ROA	1,0000				
EAID	0,2001	1,0000			
FOREIGNOWN	0,3505	-0,0451	1,0000		
FIRMSIZE	-0,3268	-0,2399	-0,0166	1,0000	
DFL	-0,6497	-0,2161	-0,3050	0,5897	1,0000

Nguồn: Stata 17

Bảng 4. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy (POOL)

ROA	Coef.	Std. Err.	z	P> z
EAID	0,0239455	0,0155326	1,54	0,125
FOREIGNOWN	0,0522227	0,0186687	2,80	0,006
FIRMSIZE	0,5182986	0,619121	0,84	0,404
DFL	-0,1773312	0,0215655	-8,22	0,000
_cons	6,454927	7,630162	0,85	0,399

Prob > F = 0,0000; R-squared = 0,4564; Adj R-squared = 0,4440

Nguồn: Stata 17

Bảng 4 trình bày kết quả ước lượng mô hình POOL, sau đó tiến hành kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến, hiện tượng phương sai thay đổi và xem xét có hiện tượng tự tương quan thông qua các kiểm định. Kết quả VIF đều nhỏ hơn 2, chứng tỏ không có hiện tượng đa cộng tuyến. Khi thực hiện White's test, kết quả Prob > chi2 = 0,0003 < 5%, cho thấy có hiện tượng phương sai thay đổi. Tuy nhiên, phép kiểm định tự tương quan có Prob > F = 0,6192 > 5% cho thấy không có hiện tượng tự tương quan. Để khắc phục, tác giả thực hiện mô hình FEM và REM sau đó lựa chọn mô hình phù hợp bằng kiểm định Hausman. Kết quả kiểm định có Prob > chi2 = 0,1360 > 5% nên mô hình REM là phù hợp. Kế đến, tác giả thực hiện kiểm tra đa cộng tuyến, kiểm định phương sai thay đổi, kết cho thấy mô hình có hiện tượng phương sai thay đổi, không có hiện tượng đa cộng tuyến và tự tương quan. Như vậy, mô hình cần được khắc phục khuyết tật bằng cách thực hiện hồi quy GLS. Kết quả mô hình trình bày ở bảng 5.

Bảng 5. Kết quả ước lượng mô hình GLS

ROA	Coef.	Std. Err.	z	P> z
EAID	0,0140084	0,006029	2,32	0,020
FOREIGNOWN	0,0507228	0,0124656	4,07	0,000
FIRMSIZE	0,4658816	0,2459509	1,89	0,050
DFL	-0,16283	0,011265	-14,45	0,000
_cons	6,939778	2,780081	2,50	0,013

Nguồn: Stata 17

Bảng 6 trình bày kết quả tóm tắt 4 mô hình đã thực hiện, sau khi khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi, mô hình GLS là mô hình tối ưu nhất. Kết quả cho thấy, biến độc lập EAID và biến kiểm

soát FOREIGNOWN, FIRMSIZE, DFL đều có tác động đến ROA với các mức ý nghĩa 5%, 1%, 10% và 5%.

Bảng 6. Tóm tắt kết quả mô hình POOL, FEM, REM và GLS

	POOL	FEM	REM	GLS
EAID	0,0239	-0,0331	0,0157	0,0140**
FOREIGNOWN	0,0522***	0,00504	0,0521**	0,0507***
FIRMSIZE	0,518	5,798	0,335	0,466*
DFL	-0,177***	-0,102	-0,167***	-0,163***
_cons	6,455	-62,31	8,762	6,940**
R-sq	0,456	0,029		
* p<0,1; ** p<0,05; *** p<0,01				

Nguồn: Stata 17

4.3 Kết quả phân tích tác động điều tiết
Để kiểm tra đặc điểm nào của HĐQT có tác động điều tiết đến mối quan hệ giữa EAID và ROA, nghiên cứu tạo 3 biến tương tác tương ứng cho từng đặc điểm HĐQT đến EAID và ROA. Kết quả phân tích ở bảng 7 cho thấy, tỷ lệ thành viên không điều hành (NONEX) không đóng vai trò biến điều tiết đến EAID và ROA do $P=0,854>0,05$. Trong khi đó, quy mô hội đồng quản trị (SIZE) và tỷ lệ nữ (FEMALE) giữ vai trò điều tiết mối quan hệ giữa EAID và ROA với độ tin cậy lần lượt 90% và 95%.

Bảng 7. Tóm tắt tác động của biến điều tiết lên EAID và ROA

ROA	Coeff.	Std. err.	t	P> t
EAID	0,052431	0,0198816	2,64	0,009
SIZE	0,518828	0,3054235	1,70	0,091
NONEX	-0,0173408	0,0273715	-0,63	0,527
FEMALE	-0,0046308	0,0264234	-0,18	0,861
Moderator SIZE	0,0241061	0,0135026	1,79	0,076
Moderator NONEX	-0,0002041	0,0011063	-0,18	0,854
Moderator FEMALE	-0,0040002	0,0012276	-3,26	0,001
_cons	2,111032	2,705799	0,78	0,436

Nguồn: Stata 17

4.4. Kết quả kiểm định giả thuyết
Kết quả ở bảng 6 cho thấy, mô hình GLS là mô hình tối ưu nhất đã khắc phục được các khuyết tật của mô hình. EAID có tác động thuận chiều đến ROA với mức ý nghĩa 5%. Các biến đóng vai trò kiểm soát đều có ý nghĩa thống kê. Có 03 biến EAID, FOREIGNOWN, FIRMSIZE có tác động cùng chiều đến ROA theo thứ tự tác động tăng dần. Biến đòn bẩy tài chính (DFL) cho kết quả tác động ngược chiều lên ROA ở cùng mức ý nghĩa thống kê 1%. Tương tự, từ giá trị P của bảng 7 khẳng định tác động điều tiết của SIZE và FEMALE đến mối quan hệ giữa EAID và ROA. Kết quả nghiên cứu chấp nhận giả thuyết H1, H2a và H2c, bác bỏ giả thuyết H2b.

5. Kết luận
Kết quả nghiên cứu này cho thấy các doanh nghiệp đã công bố EAID ở mức trên gần 53%. Trong giai đoạn 2021 đến 2023, có mối liên hệ giữa EAID và ROA có nghĩa là công ty có mức độ EAID cao có xu hướng có hiệu quả tài chính tốt hơn. Điều này có thể giải thích bởi việc công bố EAID giúp doanh nghiệp tăng cường tính minh bạch, thu hút nhà đầu tư quan tâm đến các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị (ESG), từ đó dẫn đến hiệu quả hoạt động cao hơn.

Hơn nữa, nghiên cứu cũng tìm thấy rằng quy mô HĐQT (SIZE) và tỷ lệ nữ trong HĐQT (FEMALE) đóng vai trò điều tiết mối quan hệ giữa EAID và ROA. Cụ thể, HĐQT quy mô lớn và tỷ lệ nữ cao có thể giám sát hiệu quả hơn hoạt động EAID và đảm bảo tính tuân thủ các quy định môi trường, từ đó thúc đẩy mối quan hệ tích cực hơn giữa EAID và ROA. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Sandberg và cộng sự (2023), Agyemang và cộng sự (2024), Shoeb & Alam (2022), Kim & Li (2021), Nguyen và cộng sự (2023), Nguyễn & Nguyễn (2020).

Kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa thực tiễn quan trọng cho nhà quản lý doanh nghiệp và các nhà đầu tư. Doanh nghiệp nên tăng cường công bố thông tin môi trường một cách minh bạch và hiệu quả, đồng thời xây dựng HĐQT có quy mô hợp lý và tỷ lệ nữ cao để nâng cao hiệu quả hoạt động và thu hút đầu tư.

Tài liệu tham khảo:
Agyemang, A. O., Yusheng, K., Twum, A. K., Edziah, B. K., & Ayamba, E. C. (2023). Environmental accounting and performance: empirical evidence from China. *Environment, Development and Sustainability*, 26(2), 3687-3712.
Ha Ngoc, D. A. O., Hoang Thanh, N. G. O., Nga Thuy Thi Nguyen, t. T., & tran, c. T. N. (2022). Analysis of factors affecting sustainable development information disclosure at mining enterprises listed on the Vietnam stock market. *Journal of Positive School Psychology*, 6185-6191.
Kim, S., & Li, Z. (2021). Understanding the impact of ESG practices in corporate finance. *Sustainability*, 13(7), 3746.
La Soa, N., Duy, D. D., Thanh Hang, T. T., & Ha, N. D. (2024). The Impact of Environmental Accounting Information Disclosure on Financial Risk: The Case of Listed Companies in the Vietnam Stock Market. *Journal of Risk and Financial Management*, 17(2), 62.
Nguyen, T. A., Le, P. H., Nguyen, H. D., Luong, T. C. T., & Ngo, M. T. (2023). The effect of environmental accounting information disclosure on financial performance of Vietnamese listed industrial firms: The moderating role of Leverage and Big4. *CTU Journal of Innovation and Sustainable Development*, 15(2), 126-138.
Nguyen, T. M. H., Nguyen, N. T., & Nguyen, H. T. (2020). Factors affecting voluntary information disclosure on annual reports: Listed companies in Ho Chi Minh City stock exchange. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7(3), 53-62.
Serban, R. A., Mihailu, D. M., Herciu, M., & Ogrean, C. (2023). A Sectoral-Based Approach to the Link Between Financial Performance and Sustainability: Studies in Business and Economics, 18(1), 367-377.
Shoeb, M., Aslam, A., & Aslam, A. (2022). Environmental accounting disclosure practices: a bibliometric and systematic review. *International Journal of Energy Economics and Policy*, 12(4), 226-239.
Xuyen Dinh, T. K., Nguyen, T. D., & Nguyen, T. H. (2022). Factors affecting the application of environmental accounting in manufacturing enterprises in Vietnam.
Ye, Y., Yang, X., & Shi, L. (2023). Environmental information disclosure and corporate performance: Evidence from Chinese listed companies. *Heliyon*, 9 (12).